TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 01 - 7 - 2024
V/v: *Kiện xin ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Phúc Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thuý Mai

Bà Nguyễn Thị Lan Anh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Anh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Không.

Trong ngày 01/7/2024 tại Hội trường Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2024/TLST-HNGĐ ngày 27/3/2024 về kiện xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2024. Quyết định hoãn phiên toà số 89/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20/6/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1992; ĐKHKTT và địa chỉ cần báo: Số A đường L, phường Đồng H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1988; ĐKHKTTvà địa chỉ cần báo: Số A đường L, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 11/3/2024, được bổ sung tại bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Thanh S có quan hệ tìm hiểu, yêu đương từ năm 2015. Sau đó chị T mang thai và sinh con chung với anh S vào tháng 01/2016. Sau khi sinh con, chị T và anh S tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 20/12/2016 tại UBND phường Đồng Mỹ (nay là phường Đồng Hải), thành phố Đồng Hới,

tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn. Về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình khác biệt, vợ chồng không có tiếng nói chung. Hai bên mâu thuẫn không đi đến thống nhất, đã cố gắng hoà hợp vì con cái nhưng không có kết quả. Nay chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn nên nguyện vọng mong muốn được ly hôn.

Về con chung: Chị T trình bày quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thành H, sinh ngày 19/01/2016. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con và tôn trọng nguyện vọng của con. Nếu được trực tiếp nuôi con, chị T yêu cầu anh S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Nếu con có nguyện vọng được ở với anh S thì chị T đồng ý giao con cho anh S nuôi dưỡng. Anh S không yêu cầu nên chị T cũng không cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn anh Nguyễn Thanh S trình bày: Anh S thừa nhận vợ chồng có quá trình tìm hiểu, sống chung, sinh con chung và đi đến kết hôn đúng như chị T đã trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn như chị T đã trình bày, mặc dù đã cố gắng hoà giải nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục nên anh S đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh S trình bày quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thành H, sinh ngày 19/01/2016. Anh S có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung và cam đoan đủ điều kiện để chăm sóc và nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh S trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự là nơi bị đơn anh Nguyễn Thanh S có đăng ký hộ khẩu thường trú

tại: Số nhà 17 đường Lê Quý Đôn, phường Đồng Hải, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thanh S tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 20/12/2016 tại UBND phường Đồng Mỹ (nay là phường Đồng Hải), thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, nên đây là một cuộc hôn nhân hợp pháp. Lẽ ra, anh chị phải biết thương yêu, chung thủy, nhường nhịn, tôn trọng nhau, cùng nhau chia sẻ khó khăn xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng ngược lại, anh chị đã không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, thiếu sự sẻ chia trách nhiệm. Sau khi mâu thuẫn phát sinh, hai bên đã cố gắng hoà giải nhưng không có kết quả. Chị T làm đơn xin ly hôn, anh S cũng đồng ý ly hôn. Điều này chứng tỏ rằng mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung hạnh phúc nên Hội đồng xét xử cần xử cho chị T được ly hôn anh S là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị T và anh S đều thừa nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thành H, sinh ngày 19/01/2016. Chị T và anh S đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị T có ý kiến tôn trọng nguyện vọng của con, con được quyền lựa chọn được sống với ba hoặc mẹ sau khi ba mẹ ly hôn. Nếu cháu Hưng lựa chọn được ở với mẹ thì chị T sẽ nuôi con. Nếu cháu H lựa chọn được ở với ba thì chị T cũng đồng ý giao con chung cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chị T sẽ không cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì anh S không yêu cầu.

Anh S cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cho rằng từ nhỏ đến nay cháu H đã sinh sống, học tập cùng ba và ông bà nội tại số nhà A đường L, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Đồng thời, chị T hiện không có nơi ở ổn định, sau ly hôn còn phải đi thuê phòng ở trọ và không có thu nhập ổn định. Bản thân anh S là quay phim, hiện đang công tác tại Đài truyền hình tỉnh Quảng Bình, có thu nhập ổn định theo bảng lương được cơ quan xác nhận và anh S đã cung cấp cho Toà án.

Tại bản trình bày nguyện vọng ngày 10/5/2024 cháu Nguyễn Thành H có nguyện vọng được ở với mẹ sau khi ba mẹ ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy chị T, anh S đều có nguyên vọng xin được nuôi con là hoàn toàn chính đáng. Do vậy cần phải xem xét điều kiện của ba hoặc mẹ tốt hơn cho việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung thì thấy rằng, sau khi ly hôn chị T phải đi thuê nhà trọ để sinh sống trong khi đó hiện tại cháu Nguyễn Thành H đang học tập và sinh sống ổn định với ba và ông bà nội tại số nhà A đường L, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Anh S là người có công việc và thu nhập ổn định, có xác nhận của cơ quan công tác. Trường hợp giao con chung cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng thì chị T vẫn ở lại Đồng Hới để sinh sống và làm việc, có thể qua lại thăm nom, chăm sóc con chung thường xuyên nên cần giao con chung cho anh S nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp. Anh S cam đoan đủ điều kiện để chăm sóc và nuôi dưỡng con chung nên không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị T cũng đồng ý, vì vậy cần chấp nhận ý kiến không buộc chị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là hoàn toàn phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về chia tài sản và nợ chung: Chị T và anh S đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không xem xét.

[2.4] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 147 BLTTDS; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S.

- *Về nuôi con chung*: Giao anh Nguyễn Thanh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung là cháu Nguyễn Thành H, sinh ngày 19/01/2016. Chị Trần Thị T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản người đó thực hiện quyền này.

- *Về tài sản chung:* Không có, không xem xét.

- *Về án phí:* Buộc chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0001096 ngày 27/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Án xử công khai, Nguyên đơn và Bị đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (01/7/2024) để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Phúc Nam